

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ	
					10%		15%			20%		55%			
1	161325368	Lê Tự	Hưng	K16KMT	5		6			7		8	7.2	Bảy phẩy Hai	
2	161325649	Hà Thị Hoài	Thanh	K16KMT	9		6			7		8.5	7.9	Bảy phẩy Chín	
3	161327336	Bùi Lê Minh	Thuỳ	K16KMT	5		6			7		5	5.6	Năm phẩy Sáu	
4	162143145	Võ Thị Ái	Vân	K16KMT	7.5		7.5			8.5		9	8.5	Tám phẩy Năm	
5	162253647	Đoàn Như	Diệp	K16KMT	6		6.5			7.5		7	6.9	Sáu phẩy Chín	
6	162253653	Nguyễn Văn	Khánh	K16KMT	10		6.5			7.5		8	7.9	Bảy phẩy Chín	
7	162253654	Phùng Tùng	Lâm	K16KMT	7		6			7		6	6.3	Sáu phẩy Ba	
8	162253656	Hồ Thị Ngọc	Mỹ	K16KMT	9		6			7		6	6.5	Sáu phẩy Năm	
9	162253658	Ca Thị Hồng	Nhân	K16KMT	8.5		7			8		9	8.5	Tám phẩy Năm	
10	162253661	Nguyễn Đăng	Quang	K16KMT	9		6			7		6	6.5	Sáu phẩy Năm	
11	162253663	Huỳnh Bá	Sơn	K16KMT	6		6			7		6	6.2	Sáu phẩy Hai	
12	162253664	Đặng Anh	Tài	K16KMT	7		6.5			7.5		6.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
13	162253666	Huỳnh Thị	Thuỷ	K16KMT	10		7.5			8.5		8	8.2	Tám phẩy Hai	
14	162253669	Bùi Thị Hải	Yến	K16KMT	8.5		7.5			8.5		8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
15	162256511	Nguyễn Vũ Anh	Phương	K16KMT	8		7			8		8.5	8.1	Tám phẩy Một	
16	162256512	Bạch Mai	Sơn	K16KMT	5		6			7		6.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
17	162256771	Nguyễn Đức	Độ	K16KMT	8		6			7		5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
18	162256772	Lê Quốc	Dũng	K16KMT	5		6			7		5	5.6	Năm phẩy Sáu	
19	162256773	Nguyễn Thị Đoan	Phượng	K16KMT	8		6			7		7	7.0	Bảy	
20	162256774	Đoàn Phạm Ngọc	Rin	K16KMT	5		5.5			6.5		5	5.4	Năm phẩy Bốn	
21	162256837	Nguyễn Hoàng	Phi	K16KMT	9		6			7		6	6.5	Sáu phẩy Năm	
22	162256877	Nguyễn Trần	Đạt	K16KMT	5		5			6		5	5.2	Năm phẩy Hai	
23	162256878	Nguyễn Thị	Thi	K16KMT	10		6			7		6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
24	162256928	Nguyễn Thế	Châu	K16KMT	6		5.5			6.5		6.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
25	162257008	Trần Thị Hồng	Thoa	K16KMT	10		7			8		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
26	162257055	Trần Thị Huỳnh	Tâm	K16KMT	7		7			8		9	8.3	Tám phẩy Ba	
27	162257056	Đặng Thị Cẩm	Tiên	K16KMT	9		7			8		8	8.0	Tám	
28	162257089	Bùi Văn	Quý	K16KMT	5		6.5			7.5		7	6.8	Sáu phẩy Tám	
29	162257092	Nguyễn Nhật	Trường	K16KMT	8		6			7		7	7.0	Bảy	
30	162257176	Lê Thị	Nhiều	K16KMT	8.5		7.5			8.5		9	8.6	Tám phẩy Sáu	
31	162257261	Nguyễn Văn	Quang	K16KMT	6		7.5			8.5		9	8.4	Tám phẩy Bốn	
32	162257351	Lê Thị Phương	Dung	K16KMT	8.5		6.5			7.5		9	8.3	Tám phẩy Ba	
33	162257352	Lê Khắc Hà	Giang	K16KMT	8		5.5			6.5		7	6.8	Sáu phẩy Tám	
34	162257353	Đinh Hạnh	Nguyên	K16KMT	9		7			8		8	8.0	Tám	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
				A	P	Q	H	L	M	I	F	SỐ	CHỮ		
				10%		15%			20%		55%				
35	162257425	Nguyễn Phi	Khoa	K16KMT	1		5.5			6.5		5	5.0	Năm	
36	162257426	Lê Hoàng Anh	Tuấn	K16KMT	9		7			8		9	8.5	Tám phẩy Năm	
37	162257498	Nguyễn Thị Thu	Hà	K16KMT	8.5		7			8		9	8.5	Tám phẩy Năm	
38	162257499	Võ Thị Hoài	Uyên	K16KMT	9		6			7		7	7.1	Bảy phẩy Một	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	38	100%	
2	Số sinh viên nợ	0	0%	
TỔNG CỘNG :		38	100%	

Đà Nẵng, 20/06/2014

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

LÃNH ĐẠO KHOA

PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

Trần Thị Phương Thảo

Nguyễn Thị Minh Phương

ThS.Nguyễn Ân